

CHI NHÁNH: HUYỆN KRÔNG NÔ

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến)	Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo							Phương án chống hạn	Ghi chú
							% DT	đến ngày	Tháng 12	Tháng 01	Tháng 02	Tháng 3	Tháng 4		
VII	CTTL Đăk Hou, xã Năm N'Đir														
1	Khu tưới xã Năm N' Đir.														
	Rau, màu, cây ngắn ngày	7,36		10/12÷10/1											
	Cây CN	12,48													
2	Khu tưới xã Đăk D'rô									Đợt 1: 20/1÷30/1	Đợt 2: 20/2 ÷ 28/2	Đợt 3: 20/3 ÷31/3			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	12,66			15/1÷31/1	25/3/2018					Đợt 2: 1/2-10/2	Đợt 4: 1/3-10/3	25/3 Thu hoạch		
	Cây CN	34,72								Đợt 1: 15/1-25/1	Đợt 3: 15/2-28/2	Đợt 5: 15/3-25/3			
	Thủy sản	0,03								Đợt 1: 20/1÷30/1	Đợt 2:20/2 ÷ 28/2	Đợt 3: 20/3 ÷31/3			
VIII	Hệ thống trạm bơm Đăk Rên, xã Năm N'Đir														
	Lúa	298,91	100-120	1/12÷20/1						Đợt 1: 05/12-15/12	Đợt 3: 5/1-15/1	Đợt 5: 5/2-15/2	Đợt 7: 1/3-10/3	Thu hoạch	
										Đợt 2: 20/12-31/12	Đợt 4: 20/1-31/1	Đợt 6: 15/2-25/2	Đợt 8: 15/3-25/3		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	252,23									Đợt 1: 5/1-15/1	Đợt 3: 5/2-15/2	Đợt 5: 1/3-10/3		
	Cây CN	0,87									Đợt 2: 20/1-31/1	Đợt 4: 15/2-25/2	Thu hoạch		
IX	CTTL Đăk Mhang, xã Năm Nung														
	Lúa	13,37	100-120	10/1÷25/1						Đợt 1: 1/1-10/1	Đợt 3: 1/2-10/2	Đợt 5: 1/3-10/3	Đợt 7: 10/4÷20/4		
										Đợt 2: 15/1-25/1	Đợt 4: 15/2-28/2	Đợt 6: 15/3-25/3	Đợt 8: 25/4÷10/5		
	Cây CN	240,20													
X	CTTL Buôn RCập, xã Năm Nung									Đợt 1: 20/1÷30/1	Đợt 2: 20/2 ÷ 28/2	Đợt 3:20/3 ÷31/3			
	Cây CN	85,37								Đợt 1: 20/1÷30/1	Đợt 2: 20/2 ÷ 28/2	Đợt 3:20/3 ÷31/3		Nạo vét cửa vào cống chính. Đối với khu tưới Bơm vét dung tích nước còn lại trong lòng hồ. Đối với khu vực trong lòng hồ tập trung bơm vét lượng nước còn lại.	
XI	CTTL Đăk Rô, xã Đăk D'rô														
	Lúa	82,2	100-120	15/12÷25/1						Đợt 1: 1/12-10/12	Đợt 3: 1/1-10/1	Đợt 5: 1/2-10/2	Đợt 7: 1/3-10/3	thu hoạch	
										Đợt 2: 15/12-31/12	Đợt 4: 15/1-25/1	Đợt 6: 15/2-28/2	Đợt 8: 15/3-25/3		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	176,83			15/1÷31/1	25/3/2018					Đợt 2: 1/2-10/2	thu hoạch			
	Cây CN	304,25								Đợt 1: 15/1-25/1	Đợt 3: 15/2-28/2				
										Đợt 1: 20/1÷30/1	Đợt 2: 20/2 ÷ 28/2	Đợt 3:20/3 ÷31/3			

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến)	Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo							Phương án chống hạn	Ghi chú
							% DT	đến ngày	Tháng 12	Tháng 01	Tháng 02	Tháng 3	Tháng 4		
	Thủy sản	15,25													
XII	CTTL Đắc Mâm, xã Nam Đà														
	Lúa	165,52	100-120	10/12÷10/1		15/4/2018			Đợt 1: 05/12-15/12	Đợt 3: 5/1-15/1	Đợt 5: 5/2-15/2	Đợt 7: 1/3-10/3	Thu hoạch	Bơm vét dung tích còn lại trong lòng hồ, hoặc bơm chuyển nước từ Hồ thị Trấn Đắc Mâm (đối với	
									Đợt 2: 20/12-31/12	Đợt 4: 20/1-31/1	Đợt 6: 15/2-25/2	Đợt 8: 15/3-25/3			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	93,65			5/1÷31/1	25/3/2018				Đợt 1: 5/1-15/1	Đợt 3: 5/2-15/2	Đợt 5: 1/3-10/3			
										Đợt 2: 20/1-31/1	Đợt 4: 15/2-25/2	Thu hoạch			
	Cây CN	171,36													
	Thủy sản	6,89								Đợt 1: 15/01 ÷ 25/0	Đợt 2: 18/02÷01/2	Đợt 3: 20/3÷30/3			
XIII	CTTL Đập dâng số 2, xã Nam Đà														
	Lúa	23,02	100-120	10/12÷10/1		15/4/2018			Đợt 1: 05/12-15/12	Đợt 3: 5/1-15/1	Đợt 5: 5/2-15/2	Đợt 7: 1/3-10/3	Thu hoạch		
									Đợt 2: 20/12-31/12	Đợt 4: 20/1-31/1	Đợt 6: 15/2-25/2	Đợt 8: 15/3-25/3			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	2,2			5/1÷20/1	25/3/2018				Đợt 1: 5/1-15/1	Đợt 3: 5/2-15/2	Đợt 5: 1/3-10/3			
										Đợt 2: 20/1-31/1	Đợt 4: 15/2-25/2	Thu hoạch			
	Cây CN	54,49													
	Thủy sản	1,73								Đợt 1: 15/01 ÷ 25/0	Đợt 2: 18/02÷01/2	Đợt 3: 20/3÷30/3			
XVI	Hệ thống trạm bơm Buôn Choah, xã Buôn Choah														
	Lúa	270,93	100-120	10/12÷15/1		10/4/2018			Đợt 1: 10/12 ÷ 15/12	Đợt 3: 1/1 ÷ 10/1	Đợt 5: 1/02 ÷ 10/2	Đợt 7: 5/03 ÷ 15/3			
									Đợt 2: 15/12 ÷ 30/12	Đợt 4: 15/01 ÷ 25/1	Đợt 6: 15/02 - 28/2	Đợt 8: 20/03 - 31/3			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	403,21			1/1÷25/1	1/4/2018				Đợt 3: 1/1 ÷ 10/1	Đợt 5: 1/02 ÷ 10/2	Đợt 7: 5/03 ÷ 15/3			
											Đợt 6: 15/02 - 28/2	Đợt 8: 20/03 - 31/3			
	Cây CN	20,69													
	Thủy sản	2,65								Đợt 1: 15/01 ÷ 25/01	Đợt 2: 18/02 ÷ 01/2	Đợt 3: 20/3 ÷ 30/3			

NGƯỜI LẬP BẢNG



Trần Văn Hùng

ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH HUYỆN KRÔNG NÔ



Dinh Tiến Kiên